

Số: 40/2020/QĐST- HNGĐ

K, ngày 09 tháng 03 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST – HNGĐ, ngày 12/02/2020 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 1981.
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn G- xã P- huyện V- tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đức S - Sinh năm 1977.
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn 4- xã E- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Cháu cháu Hoàng Đức A - Sinh ngày 02/12/2005. Người giám hộ cho cháu A là anh Hoàng Đức S- bố đẻ của cháu. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn 4- xã E- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147– Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/02/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Hoàng Đức S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị T và anh S đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Đức A - Sinh ngày 02/12/2005 và cháu Hoàng B- Sinh ngày 20/01/2001, hiện tại các cháu đều đang ở cùng anh S. Các cháu đều phát triển bình

thường về thể chất, tinh thần. Ngoài ra anh chị không có con chung, con riêng nào khác.

Chị T và anh S đều khẳng định hiện nay cháu B đã trưởng thành, tự lo cho bản thân nên chị T và anh S đều không yêu cầu tòa án đặt ra giải quyết.

Chị T và anh S thống nhất và thỏa thuận: Giao cháu Hoàng Đức A - Sinh ngày 02/12/2005 cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi);

***/ Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị T và anh S đều không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông ngA 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Chị T và anh S đều khẳng định vợ chồng không có tài sản gì chung không vay nợ ai, không có tiền cho ai vay, không liên quan gì về ruộng canh tác nông nghiệp, thời gian chung sống không đóng góp, xây dựng được gì cho hai bên gia đình nên đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được anh S nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002109 ngày 12/02/2020, nên chị T được trả lại 150.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- UBND xã E;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG